

**CHÍNH PHỦ**

Số : **95/2002/QĐ-Ttg**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2002*

**QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**Phê duyệt Kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển**  
**công nghệ thông tin ở Việt Nam đến năm 2005**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2000/NQ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2000 của Chính phủ về xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005;

Căn cứ vào Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động triển khai Chỉ thị số 58-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá giai đoạn 2001 - 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (tờ trình số 2297/TTr-BKHCMNT ngày 15 tháng 8 năm 2001) và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tờ trình số 3215 BKH/VPTĐ ngày 23 tháng 5 năm 2002),

**QUYẾT ĐỊNH :**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch tổng thể về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT) ở Việt Nam đến năm 2005 với những nội dung chủ yếu sau đây :

**I. MỤC TIÊU**

Đến năm 2005 ứng dụng và phát triển CNTT Việt Nam đạt những đặc trưng và chỉ tiêu cơ bản sau :

1. Trình độ và hiệu quả ứng dụng CNTT trung bình trong cả nước đạt mức trung bình của các nước trong khu vực; ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các ngành kinh tế mũi nhọn đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân ở Trung ương, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực.

2. Phát triển mạng viễn thông và Internet có công nghệ hiện đại với thông lượng ngày càng lớn, tốc độ và chất lượng cao, cung cấp cho xã hội, người tiêu dùng các dịch vụ đa dạng với giá cả tương đương mức bình quân của các nước

trong khu vực. Đến năm 2005, tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước được kết nối bằng cáp quang, tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 4 đến 5% trên tổng số dân.

3. Công nghiệp CNTT đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 20 - 25%, hỗ trợ các ngành quan trọng phát triển, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng cao và bền vững của nền kinh tế.

4. Đào tạo thêm 50.000 chuyên gia về CNTT ở các trình độ khác nhau, trong đó có 25.000 chuyên gia trình độ cao và lập trình viên chuyên nghiệp, thông thạo ngoại ngữ cần thiết cho CNTT.

## **II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH**

### **1. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong những lĩnh vực ưu tiên**

a) Các lĩnh vực kinh tế - xã hội đóng vai trò quan trọng thiết yếu nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của các doanh nghiệp; phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Trong an ninh và quốc phòng.

c) Trong các dịch vụ hành chính nhà nước và các dịch vụ xã hội khác. Trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

d) Xây dựng và đưa vào hoạt động một số hệ thống thông tin điện tử, từng bước kiến tạo hạ tầng thông tin quốc gia tiến tới một hệ thống thông tin quốc gia thống nhất.

### **2. Phát triển mạng viễn thông và Internet quốc gia**

Phát triển mạng viễn thông và Internet tiên tiến, hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn và tin cậy, phủ sóng trong cả nước. Hình thành xa lộ thông tin quốc gia có dung lượng lớn, tốc độ cao. Cung cấp dịch vụ truy cập băng rộng đến tận hộ tiêu dùng : cáp quang, vô tuyến băng rộng, thông tin vệ tinh vv... Phát triển các mạng thông tin dùng riêng.

Đẩy nhanh việc phổ cập Internet trong các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội, tạo điều kiện cho người tiêu dùng có thể tiếp cận, truy cập Internet với chất lượng tốt, giá cả tương đương mức bình quân các nước trong khu vực.

Phát triển Internet để ứng dụng các loại hình dịch vụ và ứng dụng CNTT khác nhau như : báo chí điện tử, thương mại điện tử, hành chính điện tử, bưu chính, viễn thông, tài chính, ngân hàng, giáo dục, đào tạo, y tế qua mạng ... phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mở cửa cho phép thêm nhiều nhà cung cấp dịch vụ kết nối (IXP), dịch vụ truy nhập (ISP), dịch vụ ứng dụng (OSP) tham gia cạnh tranh bình đẳng nhằm nâng cao hiệu quả và thúc đẩy thị trường phát triển.

Tới năm 2005 số người sử dụng Internet tăng ít nhất 10 lần so với năm 2000, đạt chỉ tiêu 1,3 đến 1,5 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 4

đến 5% trên tổng số dân. Tạo điều kiện cơ bản để đến năm 2010 tỷ lệ người sử dụng Internet của Việt Nam đạt mức trung bình khu vực.

Năm 2002 - 2003 tất cả các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề được kết nối Internet. Năm 2005 : 50% số trường phổ thông trung học trên toàn quốc; tất cả các bệnh viện tuyến Trung ương và trên 50% số bệnh viện tuyến tỉnh được kết nối Internet.

Năm 2005 mạng thông tin của tất cả các Bộ, ngành, các cơ quan hành chính của bộ máy quản lý Nhà nước Trung ương, chính quyền địa phương cấp tỉnh và huyện được kết nối với mạng diện rộng của Chính phủ và Internet; hầu hết cán bộ, công chức tại các đơn vị trên có khả năng sử dụng các ứng dụng trên Internet phục vụ công tác chuyên môn; đưa Internet vào phục vụ nền hành chính công điện tử.

### **3. Xây dựng ngành công nghiệp CNTT**

#### ***a) Công nghiệp phần mềm***

Xây dựng công nghiệp phần mềm thành một ngành kinh tế mũi nhọn, có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm 30 - 35%. Khuyến khích hình thành các quỹ đầu tư từ các khu vực kinh tế khác nhau, kể cả khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, để thu hút vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp phần mềm. Khuyến khích hình thành và có chính sách ưu đãi phát triển các khu công nghiệp phần mềm tập trung với những quy mô khác nhau. Nhà nước trực tiếp đầu tư khoảng 50 - 70 triệu USD hỗ trợ các dự án phát triển nguồn lực, phát triển thị trường, phát triển sản phẩm.

Đến năm 2005, đạt tổng sản lượng 500 triệu USD, trong đó xuất khẩu khoảng 200 triệu USD. Thu hút được 25.000 đến 30.000 chuyên gia và lập trình viên chuyên nghiệp, thông thạo ngoại ngữ làm việc trong công nghiệp phần mềm.

#### ***b) Công nghiệp phần cứng***

Phát triển nhanh công nghiệp phần cứng trong lĩnh vực máy tính và truyền thông.

Đảm bảo máy tính, thiết bị truyền thông sản xuất, lắp ráp trong nước chất lượng cao, đáp ứng khoảng 80% nhu cầu nội địa; có sức cạnh tranh về giá trên thị trường thế giới và khu vực để tham gia xuất khẩu.

Đẩy mạnh việc sản xuất các thiết bị thông tin và xử lý thông tin, đặc biệt là các thiết bị có kết nối với mạng máy tính.

Có chính sách đặc biệt để thu hút đầu tư nước ngoài và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước cho phát triển công nghiệp phần cứng, đặc biệt là thu hút các công ty đa quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực CNTT đầu tư và chuyển giao công nghệ ở Việt Nam.

### **4. Phát triển nguồn nhân lực**

Nâng cao chất lượng đào tạo về CNTT trong hệ thống giáo dục và đào tạo hiện có thông qua việc nâng cao trình độ của giáo viên, giảng viên; cập nhật giáo trình hiện đại theo nhu cầu của xã hội và thị trường; tạo điều kiện cho sinh viên, học sinh có cơ sở vật chất tốt cho học tập CNTT (máy tính, thư viện, Internet, phòng thí nghiệm,...).

Xây dựng mới một số cơ sở chuyên trách đào tạo chất lượng cao các kỹ sư, cử nhân và sau đại học về CNTT đáp ứng nhu cầu về lao động chuyên nghiệp cho công nghiệp CNTT, cho nghiên cứu và giảng dạy CNTT. Kết hợp chặt chẽ và có hiệu quả công tác đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu CNTT.

Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo về CNTT thích hợp cho sinh viên các ngành không chuyên CNTT nhằm thúc đẩy việc ứng dụng CNTT trong các ngành này và tạo điều kiện để phát triển các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ mới của các ngành này kết hợp với các thành tựu, phương pháp của CNTT; triển khai việc đào tạo CNTT chuyên ngành cho các cán bộ, kỹ sư, sinh viên tốt nghiệp các ngành không chuyên CNTT. Từ năm 2002 đến năm 2005, mỗi năm đào tạo theo loại hình này khoảng 2.000 - 3.000 người với những chương trình đào tạo thiết thực.

Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho gửi đi đào tạo chính quy ở nước ngoài hàng năm khoảng 300 sinh viên (đại học và sau đại học) và 500 chuyên viên, cán bộ các cấp (chuyên viên quản lý CNTT, giáo viên đại học và cao đẳng, nghiên cứu viên, kỹ sư đang làm việc trong công nghiệp CNTT) đi thực tập ngắn hạn, nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT ở các nước và khu vực có nền CNTT phát triển.

Gấp rút đào tạo đội ngũ chuyên gia CNTT cấp cao (đứng đầu các dự án, đứng đầu các doanh nghiệp CNTT...) và các chuyên gia đầu ngành CNTT.

Bổ túc kiến thức CNTT cho tất cả các giáo viên các cấp học, bậc học. Giảng dạy về ứng dụng CNTT cho sinh viên trong các trường sư phạm. Chú trọng việc ứng dụng CNTT trong giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy và quản lý giáo dục.

Xã hội hóa công tác giáo dục đào tạo về CNTT, khuyến khích các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế và các cá nhân tham gia đầu tư phát triển nguồn nhân lực CNTT. Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến kiến thức, thông tin về CNTT trong toàn xã hội. Tạo điều kiện và môi trường thu hút người nước ngoài, đặc biệt người Việt Nam ở nước ngoài mang tri thức, công nghệ và đầu tư đóng góp tích cực vào quá trình phát triển nguồn nhân lực CNTT Việt Nam.

Mỗi năm, khoảng 20% số cán bộ đang làm việc tại các tổ chức cơ quan Đảng, Nhà nước ở mọi cấp được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về CNTT.

## **5. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và triển khai về CNTT**

Công tác nghiên cứu CNTT nhằm giải quyết các nhiệm vụ sau : nắm bắt được những tiên bộ công nghệ của thế giới, thực hiện có hiệu quả việc thích nghi hóa và chuyên giao công nghệ vào Việt Nam; từng bước giải quyết những vấn đề CNTT đặc thù của Việt Nam, trước hết là chữ viết, dịch thuật, tiếng nói. Khuyến khích

thành lập các vườn ươm công nghệ có tiềm năng thương mại nảy sinh từ các cơ sở nghiên cứu triển khai của các khu công viên phần mềm, các viện, trường đại học và khu vực sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế.

Tổ chức việc đánh giá và công nhận các sản phẩm CNTT được sản xuất ở trong nước đạt tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với điều kiện Việt Nam để khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm này. Xây dựng và phát triển “Cơ sở dữ liệu về các sản phẩm CNTT nội địa”.

Khuyến khích thành lập các cơ sở nghiên cứu - triển khai về CNTT trong các doanh nghiệp CNTT thuộc mọi thành phần kinh tế.

Tăng cường một số cơ sở nghiên cứu chủ chốt về CNTT tại các viện và trường đại học thành lực lượng nòng cốt về nghiên cứu và triển khai.

## **6. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi**

Xây dựng và triển khai các chính sách về ứng dụng và phát triển CNTT : luật về thông tin điện tử, chính sách tạo nguồn thông tin và chuẩn hóa thông tin, bảo hộ sở hữu trí tuệ và bản quyền tác giả, mua sắm, sử dụng trang thiết bị và dịch vụ CNTT của các cơ quan Nhà nước, đối với xây dựng kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ viễn thông, Internet, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực CNTT, đầu tư nghiên cứu và triển khai về CNTT, khuyến khích ứng dụng CNTT gắn liền với yêu cầu tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, chuẩn hóa trong CNTT, an ninh và bảo mật thông tin, ưu đãi đầu tư cho ứng dụng CNTT và phát triển công nghiệp CNTT, hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT mở rộng thị trường, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực CNTT, hợp tác quốc tế về CNTT.

## **7. Kiện toàn hệ thống quản lý Nhà nước về lĩnh vực CNTT**

Xây dựng và triển khai đề án về tổ chức thống nhất quản lý Nhà nước về CNTT và viễn thông với các cơ chế cần thiết, kể cả hệ thống chức danh cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý CNTT và cán bộ lãnh đạo thông tin.

Triển khai hoạt động của Ban Chỉ đạo giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chương trình hành động triển khai Chỉ thị 58-CT/TW về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá giai đoạn 2001 - 2005 như trong Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

## **8. Nâng cao nhận thức về CNTT trong toàn xã hội, đặc biệt là đối với các cán bộ lãnh đạo và quản lý Nhà nước**

Nâng cao chất lượng, hiệu quả và đa dạng hóa các hình thức thông tin, phổ biến kiến thức về CNTT và xã hội thông tin thông qua truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Tổ chức các hình thức, nội dung thông tin thích hợp cho lãnh đạo các cấp về chiến lược và chính sách CNTT của các nước, về xu hướng phát triển, ảnh hưởng, tầm quan trọng và khả năng ứng dụng CNTT hỗ trợ các lĩnh vực và hoạt động ...

Xây dựng và triển khai việc đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao nhận thức về CNTT cho lãnh đạo các cấp.

### III. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Các giải pháp chủ yếu

- Huy động tối đa các nguồn lực cho ứng dụng và phát triển CNTT. Đến năm 2005, tổng đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT từ tất cả các nguồn đạt 2% GDP, trong đó các nguồn lực từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức kinh tế - xã hội là chủ yếu. Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương hàng năm dành một tỷ lệ thích hợp cho việc ứng dụng và phát triển CNTT.

- Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi, ưu đãi cho ứng dụng và phát triển CNTT. Xây dựng quy chế quản lý chặt chẽ và có hiệu quả các dự án CNTT.

- Tăng cường đổi mới công tác quản lý Nhà nước, sớm kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý về CNTT và viễn thông để thống nhất quản lý Nhà nước về lĩnh vực này.

- Nâng cao nhận thức về CNTT trong toàn xã hội, đặc biệt đối với cán bộ quản lý Nhà nước, lãnh đạo các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội.

#### 2. Triển khai các chương trình, đề án, dự án trọng điểm:

##### a) Các chương trình trọng điểm

- Chương trình "*Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng viễn thông và Internet*" do Tổng cục Bưu điện chủ trì.

- Chương trình "*Phát triển nguồn nhân lực về CNTT*" do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

- Chương trình "*Xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm*" do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì.

- Chương trình "*Xây dựng và phát triển công nghiệp phần cứng*" do Bộ Công nghiệp chủ trì.

##### b) Các đề án, dự án trọng điểm

###### - Đề án trọng điểm

Triển khai Đề án "*Tin học hoá quản lý hành chính Nhà nước giai đoạn 2001 - 2005*" do Văn phòng Chính phủ chủ trì đã được nêu trong Quyết định số 112/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

###### - Các dự án trọng điểm

Dự án "*Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin lãnh đạo của Đảng*" do Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì.

Dự án "*Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng*" do Ngân hàng Nhà nước chủ trì.

Dự án "*Hoàn thiện hệ thống thông tin tài chính*" do Bộ Tài chính chủ trì.

Dự án "*Hiện đại hóa hệ thống thông tin ngành hải quan*" do Tổng cục Hải quan chủ trì.

Dự án "*Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống tin thống kê Nhà nước*" do Tổng cục Thống kê chủ trì.

Dự án "*Tổ chức triển khai phát triển thương mại điện tử*" do Bộ Thương mại chủ trì.

Dự án "*Ứng dụng CNTT phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn*" do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì.

Dự án "*Xây dựng thí điểm một số hệ thống thông tin giải quyết những vấn đề bức xúc về quản lý đô thị tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh*" do ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chủ trì.

Dự án "*Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong quốc phòng*" do Bộ Quốc phòng chủ trì.

Dự án "*Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ an ninh công cộng*" do Bộ Công an chủ trì.

Dự án "*Hệ thống tin điện tử về văn hóa - xã hội*" do Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì.

Dự án "*Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin điện tử về luật*" do Bộ Tư pháp chủ trì.

## **Điều 2.** Trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ vào Kế hoạch tổng thể này xây dựng kế hoạch tổng thể giai đoạn 2002 - 2005 và kế hoạch hàng năm về ứng dụng và phát triển CNTT như một bộ phận ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị mình; triển khai các hoạt động về ứng dụng và phát triển CNTT trong kế hoạch hoạt động thường xuyên của đơn vị; đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư đã được các cấp thẩm quyền quyết định theo đúng tiến độ.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao chủ trì các chương trình, đề án, dự án trọng điểm đã nêu trong điểm 2, phần III, Điều 1 của Quyết định này phải sớm hoàn thành xây dựng kế hoạch đầu tư, kế hoạch thực hiện và triển khai ngay một số hoạt động từ năm 2002.

c) Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Thương mại, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Tổng cục Bưu điện, Tổng cục Thống kê thực hiện các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao trong phần III, Điều 1 của Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2001 nhằm

góp phần cho việc thực hiện các mục tiêu và các nội dung cụ thể của Kế hoạch tổng thể này.

d) Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cân đối, tổng hợp các nguồn lực trong kế hoạch Nhà nước 5 năm và hàng năm cho các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, các dự án, kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng các giải pháp triển khai chính sách huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài cho ứng dụng và phát triển CNTT.

đ) Giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí và cấp đủ kinh phí cho các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, các dự án, kế hoạch ứng dụng CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; có cơ chế, chính sách đảm bảo chi một cách có hiệu quả cho ứng dụng và phát triển CNTT.

e) Giao Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện “Kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2002 - 2005”; xây dựng kế hoạch triển khai giai đoạn 2002 - 2005 và hàng năm phù hợp với Kế hoạch tổng thể này; đề xuất những giải pháp cần thiết trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch tổng thể hàng năm và tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch tổng thể vào năm kết thúc.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

**KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

**Phạm Gia Khiêm**

**Nơi nhận :**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- HỘND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Toà án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,



- Lulu : KG (5b), VT.